

Bản án số: 389/2023/DS-PT

Ngày 09/8/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Ông Nguyễn Vũ Đông.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà N.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8548/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1946; ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1963; ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973; ông Nguyễn Hùng S, sinh năm 1955; cùng địa chỉ: Tổ dân phố Thượng C 2-3, phường Thượng C, quận Bắc Từ L, thành phố Hà N; Điều có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàn:* Luật sư Bùi Văn T - Văn phòng luật sư Thủy Nguyên thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà N; Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1945; bà Phạm Thị M, sinh năm 1950; cùng địa chỉ: số 6 Thượng C, phường Thượng C, quận Bắc Từ L, thành phố Hà N; Điều có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Trương Công Đ - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà N; Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân quận Bắc Từ L, thành phố Hà N; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lưu Ngọc H - Chủ tịch; Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1983 và chị Triệu Thị T, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: số 6 Thượng C, phường Thượng C, quận Bắc Từ L, thành phố Hà N; Đều có mặt.

3. Cháu Nguyễn Nguyệt M, sinh năm 2007; Vắng mặt.

4. Cháu Nguyễn Ngọc Uyển N, sinh năm 2014; Vắng mặt.

5. Cháu Nguyễn An C, sinh năm 2019; Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Minh, cháu Nhi, cháu Chi: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1945; bà Phạm Thị M, sinh năm 1950; Có mặt.

Cùng địa chỉ: số 6 Thượng C, phường Thượng C, quận Bắc Từ L, thành phố Hà N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:*

Về nguồn gốc đất: Đất là của cụ Tổ trưởng Chi 2 Nguyễn Ngọc S (Hiệu Phúc Đ) đã để lại cho Ngành 2 (thường gọi là ngành 3) làm nhà thờ đường để thờ cúng tổ ngành. Năm 1927 các cụ của ngành cùng xây dựng nhà thờ với diện tích ban đầu là 40m², tổng diện tích đất ban đầu tầm 400m². Nhà thờ có 03 gian, có biển hiệu chữ nho, hoành phi, câu đối. Truyền thống nhà thờ họ là kế trưởng, thay mặt họ trông nom, hương khói đã duy trì từ năm 1927. Năm 2005, anh Nguyễn Hữu H từ Thanh Hóa ra về tuyên bố đất đây là của gia đình anh H và không cho họ nhà chúng tôi cúng giỗ từ năm 2012 cho đến nay.

Từ khi có nhà thờ đã trải qua nhiều đời quản lý, trông nom thờ cúng như: Cụ Nguyễn Ngọc B, cụ Nguyễn Ngọc T (con trưởng của cụ B), cụ Nguyễn Văn Q (con thứ 3 của cụ B), ông Nguyễn Văn B (con thứ ba của cụ Bích), ông Nguyễn Văn H (con trưởng ông B1). Anh Hải mất không có con trai nên anh H (là em trai ông Hải) kế thừa việc trông nom nhà thờ họ. Việc đứng tên đất là theo truyền thống trưởng kế trưởng. Việc đóng thuế hàng năm là do nhà trưởng thực hiện và được hưởng hoa lợi trên đất và đang trông nom trực tiếp. Từ năm 1927 vào ngày 03.02 âm lịch họ tổ chức cúng giỗ mẫn và làm thụ lộc ngay tại nhà thờ họ. Hàng năm đều có hoạch tu sửa nhà thờ họ và trao đổi với nhà trưởng nhưng khi anh H quản lý thì không báo lại việc sửa chữa lại cho họ, họ có nguyện vọng đóng góp tiền sửa chữa nhưng anh H không nhận đóng góp.

Diện tích đất nhà thờ và đường đi vào khoảng 89m². Ngày 20/7/2005 họ đã gửi đơn lên UBND xã Thượng C để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho họ (chúng tôi không nhớ là có giấy tờ gì thể hiện việc đã nộp đơn xin cấp sổ đỏ lên UBND xã Thượng Cát). Khi họ đang chờ kết quả thì năm 2006 ông H, bà Mai đã tự ý làm thủ tục đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thông qua họ. Chính quyền UBND xã Thượng C cũng không thông báo gì cho họ để họ có ý kiến.

Năm 2005 anh em ông H tự ý phân chia một phần đất để làm nhà ở. Cụ thể là: Ông H được 150m², ông Nguyễn Văn Nhâm (em trai ông H) được 176m², cháu Nguyễn Thị H (con gái anh Hải) được 118m². Năm 2012, anh H xây dựng nhà 3 tầng có diện tích khoảng 50m² nằm ngay bên cạnh nhà thờ họ, việc này họ đồng ý vì không ảnh hưởng đến hoạt động của nhà thờ họ. Khoảng năm 2014 thì anh H công bố nhà đất là của anh nên đã phá dỡ nhà thờ. Từ thời điểm đó họ cũng không cúng giỗ tại đó nữa.

Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết: Yêu cầu bị đơn trả lại cho chúng tôi nhà từ đường với diện tích 89m² tại thửa đất số 14, tờ bản đồ 14, diện tích 139m² tại tổ dân phố Thượng C 3, phường Thượng C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà N. Đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất huyện Từ Liêm đã cấp cho ông H, bà Mai và cho họ được làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất nhà thờ.

** Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án bị đơn là Ông Nguyễn Hữu H và bà Phạm Thị M trình bày:*

Đất này là đất của gia đình ông từ rất lâu rồi bắt đầu từ cụ Phúc Đ (cụ Đôn để được 02 người con trai, con trưởng là ông Bích, thứ là ông Khuê). Tất cả danh sách trên bản đồ là của gia đình ông. Nhà là do ông nội ông là ông Nguyễn Văn Q xây dựng vào năm 1927. Bản đồ địa chính năm 1960 đứng tên bố ông là cụ Nguyễn Văn B. Anh em ông sinh ra và lớn lên tại đây. Cụ Quý là người xây dựng nhà thờ.

Cụ Quý và cụ Ngô Thị K sinh ra 02 người con là cụ Nguyễn Văn B và cụ Nguyễn Văn C. Cụ Chân sinh ra 02 người con trai. Từ năm 1927 đến năm 1976 có chiến tranh thì 03 anh em nhà ông đi bộ đội, có một mình mẹ ông ở nhà. Năm 1976 mẹ ông (cụ Thanh) mới là người đăng cai cúng giỗ và anh em họ Hoàng có kéo đến nhà ông yêu cầu mẹ ông cho họ vào thờ cúng, ông Hòa không tham gia cúng giỗ. Năm 2006 mẹ con ông Hòa mới theo họ để thờ cúng. Từ năm 1976 đến nay, có tổ chức cúng giỗ hàng năm tại nhà thờ. Đến năm 2014 nguyên đơn kéo đến gây rối, đe dọa gây áp lực cho gia đình nhà ông nên sau đó ông không cho họ cúng giỗ ở nhà ông nữa. Trong quá trình sử dụng, ông đã nhiều lần sửa chữa nhà thờ, trong họ không có ai đóng góp. Đến năm 2019, do nhà thờ bằng gỗ đã xuống cấp nên ông đã dỡ nhà thờ cũ để xây dựng nhà thờ mới. Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn ông không đồng ý. Năm 1960 bản đồ địa chính mang tên Nguyễn Văn B là bố ông. Năm 1987 đứng tên ông Nguyễn Văn L, ông đã đem tra thì không có người nào như thế. Đây là sự nhầm lẫn của cán bộ địa chính. Bản đồ năm 1994 mang tên anh trai ông là Nguyễn Văn H. Quá trình làm sổ đỏ gia đình ông chấp hành đầy đủ các thủ tục cấp sổ đỏ theo quy định của pháp luật. Quá trình cấp sổ đỏ không vướng mắc gì, không ai thắc mắc hay ý kiến gì. Ông không đồng ý với các yêu cầu của nguyên đơn.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- UBND quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội trình bày: Trên cơ sở do Hội đồng đăng ký đất đai xã Thượng C xét duyệt, được UBND xã Thượng C hoàn thiện, UBND huyện Từ Liêm đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Nguyễn Hữu H và bà Phạm Thị M với diện tích 139m² đất ở thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 14 là phù hợp với trình tự quy định pháp luật.

- Anh Nguyễn Hữu P và chị Triệu Thị T trình bày: Nguồn gốc nhà đất đang tranh chấp là của Ông Nguyễn Hữu H do thừa hưởng của tổ tiên để lại. Anh chị không có ý kiến, yêu cầu gì đối với tài sản trên, thống nhất ý kiến của Ông Nguyễn Hữu H. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 18/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 158, 160, 207, 208 và 211 của Bộ luật dân sự; Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Hùng S đối với Ông Nguyễn Hữu H và bà Phạm Thị M về việc đòi lại quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ 14, diện tích 139m² tại tổ dân phố Thượng C 3, phường Thượng C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/7/2022, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Hoà, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Hùng S, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là Ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Hùng S, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàn đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm sửa toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể là: Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Hữu H và bà Phạm Thị M phải trả lại họ Nguyễn ngành 2 (thường gọi là 3) nhà thờ 3 gian, diện tích 40m² (vợ chồng ông H đã phá dỡ ngày 14, 15/9/2019) và sân, ngõ đi 49m² cộng khoảng 89m² mà ông H, bà Mai đang chiếm giữ và dành riêng 7m² ngõ đi từ nhà thờ ra ngoài đường cộng là 96m². Ông H, bà Mai đã tự ý phá dỡ nhà thờ thì phải bồi thường giá trị của nhà thờ đã bị phá dỡ để họ Nguyễn ngành 2 (thường gọi là 3) xây dựng lại nhà thờ. Đối với các trang bị nội, ngoại thất của nhà thờ cũ gia đình ông H phải trả lại cho họ để phục vụ cho nhà thờ được xây dựng mới. Diện tích đất còn lại khoảng hơn 50m² vợ chồng ông H

đã làm nhà ở, họ Nguyễn ngành 2 (thường gọi là 3) đồng ý để cho gia đình ông được tiếp tục sử dụng riêng. Tòa án tuyên bố hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE727545 ngày 29/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện từ Liêm đã cấp cho ông H, bà Mai diện tích 139m². Tòa án kiến nghị Ủy ban nhân dân quận Bắc Từ Liêm làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 89m² và ngõ đi riêng cho họ Nguyễn ngành 2 (thường gọi là 3) được sử dụng hợp pháp và lâu dài.

Bị đơn ông H trình bày: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đương về phía bị đơn nhất trí với ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Hoà, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Hùng S; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và các căn cứ tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của là Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Hùng S, nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết, là đúng pháp luật.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của là Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Hùng S, thấy:

Căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai tại UBND phường Thượng C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội thì trước năm 1960 tại UBND phường Thượng C không lưu hồ sơ; từ 1960 thửa đất số 197, tờ bản đồ số 5, diện tích 403m² đứng tên Nguyễn Văn B (bố đẻ ông H), loại đất thổ cư; năm 1987 diện tích đất đứng tên ông Nguyễn Văn L, việc ghi tên người sử dụng là ông Nguyễn Văn L có thể là sự nhầm lẫn của người vào sổ vì thực tế kiểm tra không có ai tên là Nguyễn Văn L, trong họ Nguyễn ngành 2 (thường gọi Ngành 3) có 01 người tên Nguyễn Văn Lai, nhưng ông Lai đã chết từ lâu và chưa bao giờ sinh sống trên thửa đất đang tranh chấp; tại bản đồ năm 1994 thửa số 14, tờ bản đồ số 14, diện tích 168m², mang tên ông Nguyễn Văn H (anh trai ông H), là loại đất thổ cư. Từ đó đến nay gia đình ông H quản lý, sử dụng, không có khiếu nại, khiếu kiện gì về việc sử dụng đất. Năm 2006 UBND huyện Từ Liêm đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Nguyễn Hữu H và bà Phạm Thị M là đúng theo trình tự, quy định pháp luật. Sau khi gia đình ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì Họ Nguyễn Ngành 2 (thường gọi Ngành 3) cũng không có khiếu nại gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Mặt khác Họ Nguyễn Ngành 2 (thường gọi Ngành 3) chưa khi nào đứng tên kê khai trên bản đồ địa chính và chưa khi nào gửi đơn khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền về việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn cho rằng năm 2005 thành viên họ Nguyễn Ngành 2 có làm đơn đề nghị UBND xã Thượng C làm thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà thờ cho Họ; nhưng không đưa ra được tài liệu, văn bản của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định đây là nhà thờ của dòng họ ngành 2 (thường gọi là ngành 3) và đã nhận đơn và làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho dòng họ. Mặt khác nguyên đơn cho rằng nhà, đất tranh chấp thuộc tài sản chung của họ Nguyễn Ngành 2 là thần phả, câu đối trên tường, hoành phi và biển hiện chữ nho “Nguyễn từ đường”, không có chi tiết nào thể hiện các tài liệu này xác định nhà tranh chấp thuộc sở hữu chung của họ Nguyễn ngành 2. Trong khi đó ông H lại cho rằng nguồn gốc đất và nhà thờ không phải họ Nguyễn ngành 2 mà chỉ là của chi 2, bên nguyên đơn cũng thừa nhận của cụ tổ để lại. Tôi là đời thứ 5 được để lại. Đất và nhà là ông tôi là ông Nguyễn Văn Q làm 1927. Năm 1976 các ông ông Hoàn, ông Nhạ, ông Nam

có mâu thuẫn với ông trưởng ngành nên đã xin mẹ tôi đến sinh hoạt tại nhà thờ. Năm 2012 tôi định làm sửa lại nhà thờ tôi có thông báo cho mọi người. Ông Sơn trình bày người lập gia phả là sai vì tại sao biết ông Sơn biết ông bác tôi ở trong gia phả vì lúc đó bác tôi chưa sinh ra mà lại biết tên được ghi trong gia phả.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Hùng S đối với Ông Nguyễn Hữu H và bà Phạm Thị M về việc đòi lại quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất và Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất: số 14, tờ bản đồ 14, diện tích 139m² tại tổ dân phố Thượng C 3, phường Thượng C, quận Bắc Từ L, thành phố Hà N là đúng pháp luật. Do đó, yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn không được chấp nhận.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàn chưa đủ căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Hùng S là người cao tuổi nên không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn nộp án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Hùng S; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 18/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà N.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Hùng S là người cao tuổi nên không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 0000933, 0000932 ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà N.

[3] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND Tp Hà Nội;*
- *VKSND Tp Hà Nội;*
- *Cục THADS Tp Hà Nội;*
- *Các đương sự (theo đ/c);*
- *Lưu HS; HCTP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà

